TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện
2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hoàng Y - Thư ký Toà án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu N – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2023 về "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXX ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1989
Nơi cư trú: Xóm H, xã H, TP. C, tỉnh Cao Bằng

Bị đơn: Anh Đỗ T, sinh năm 1988
Nơi cư trú: Tổ 3, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên
Hiện đang cải tạo tại Đội 11, K3, Trại giam P, Bộ Công an
(chị H và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ T ngày 12 tháng 02 năm 2009, có đăng ký tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau, khiến cho cuộc sống không hạnh phúc. Do vi phạm pháp luật tháng 6 năm 2021 anh T bị Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng kết án 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", hiện nay đang thi hành án tại phân trại K4, Trại giam P, Bộ Công an. Do mâu thuẫn từ trước nên từ ngày anh T đi chấp hành án chị H hạn chế không đi thăm gặp anh T. Đến nay chị xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng xin ly hôn để ổn định tư tưởng và cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Đỗ Lê Gia B, sinh ngày 04/01/2010 và Đỗ Lê Bảo D, sinh ngày 04/01/2014.

Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 9/5/2023, anh T trình bày: Anh kết hôn với chị H vào đầu năm 2009, đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T. Quá trình chung sống vợ chồng cũng đã xảy ra mâu thuẫn nhưng đều đã được vợ chồng giải quyết, cho đến ngày 02/6/2021 anh đã có hành vi vi phạm pháp luật nên đã bị Toà án nhân dân thanh phố Cao Bằng xét xử 42 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý, đến nay anh đang chấp hành án tại Phân trại số 4, Trại giam P. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn chị H có đơn ly hôn anh không đồng ý vì muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có con chung Đỗ Lê Gia B, sinh ngày 04/01/2010 và Đỗ Lê Bảo D, sinh ngày 4/1/2014.

Trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vì lý do đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam P, Bộ Công an.

Con Đỗ Lê Gia B và Đỗ Lê Bảo D có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70,71 của BLTTDS. Bị đơn vì lý do bất khả kháng, không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận đơn ly hôn của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đỗ T.

- Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại thành phố T, căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

Chị Lê Thị H và anh Đỗ T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Đỗ T tự nguyện kết hôn với nhau năm ngày 12 tháng 02 năm 2009, có đăng ký tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến cho cuộc sống không hạnh phúc. Năm 2021, do vi phạm pháp luật anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tuyên xử 42 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý", hiện nay đang thi hành án tại phân trại K4, Trại giam P. Do mâu thuẫn từ trước nên từ ngày anh T đi chấp hành án chị H không quan tâm đến anh T nên chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhưng vì muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm để nuôi dạy con cái nên anh không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy thực tế trong cuộc sống vợ chồng chị Huyền và anh T đã xảy ra những mâu thuẫn, sau đó anh T lại vi phạm pháp luật nên phải đi cải tạo tại Trại giam P nên không thể cải thiện tình cảm vợ chồng vì vậy chị H vẫn có nguyện vọng ly hôn với mong muốn sớm ổn định lại cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm chị Huyền với anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, chấp nhận đơn ly hôn của chị Huyền, cho chị Huyền được ly hôn với anh T như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Đỗ Lê Gia B, sinh ngày 04/01/2010 và Đỗ Lê Bảo D, sinh ngày 4/01/2014.

Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh T hiện nay đang thụ án trong trại, bản thân anh đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của các con, vì vậy khi ly hôn giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung như vậy là phù hợp với nguyện vọng của chị H, anh T, các con và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T được quyền đi lịa thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 146, 147; khoản 2 Điều 207; Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H, cho chị H được ly hôn anh Đỗ T.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Đỗ Lê Gia B, sinh ngày 04/01/2010 và Đỗ Lê Bảo D, sinh ngày 04/01/2014 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000788 ngày 30/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Nguyên đơn chị H và bị đơn anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
-THADSTP Thái Nguyên;
- Đương sự;
- UBND p. Phú Xá, TP. TN;
- Lưu HS.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND p. Chùa Hang;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND p. Tân Lập;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn